

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2026/DSST

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Quang Tinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy

Bà Trần Thị Thanh Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4
- Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa:*
Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn I Q, xã Q, (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An (Có mặt). CCCD số: 040179031749.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn A Q, xã Q (xã B, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An (Vắng mặt). CCCD số:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Do quen biết nên từ năm 2011 đến năm 2014 chị có cho chị Vũ Thị T1 vay nợ nhiều lần tính đến ngày 25/9/2014 chị Vũ Thị T1 nợ chị 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Chị T1 viết giấy nợ hẹn bắt đầu từ tháng 2/2015, hai tháng sẽ trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng. Đến hạn chị đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị T1 vẫn không trả. Nay chị yêu cầu chị Vũ Thị T1 phải trả cho chị số tiền gốc vay còn nợ là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi suất.

Bị đơn chị **Vũ Thị T1**: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập chị **Vũ Thị T1** đến viết bản tự khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **Nguyễn Thị T2** vắng mặt không có lý do. Tòa án đã trực tiếp đến nhà gặp chị **T2** tổng đạt các văn bản thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **T2** từ chối nhận. Tòa án lập biên bản sự việc hỏi chị **T2** về yêu cầu của chị **T** buộc trả nợ 30.000.000 đồng thì chị **T2** nói không vay nợ gì. Tòa án cho chị **T2** xem giấy vay nợ có tại hồ sơ và hỏi chữ ký và chữ viết trong giấy vay có phải do chị **T2** viết không thì chị **T2** không trả lời bỏ đi vào trong nhà không ký văn bản.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định trình tự, thủ tục thụ lý, giải quyết vụ án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T**, buộc chị **Nguyễn Thị T2** trả nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Chị **Vũ Thị T1** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Nguyễn Thị T** làm đơn khởi kiện yêu cầu chị **Vũ Thị T1** có địa chỉ cư trú tại **thôn A Q, xã Q (xã B, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An** trả nợ tiền vay, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho chị **Vũ Thị T1** nhưng chị **T1** vẫn không đến Tòa án nên không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được. Do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử không tiến hành hòa giải là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[3] Tại phiên tòa hôm nay chị **Vũ Thị T1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử vụ án là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS.

[4] Về số tiền vay: Theo bản tự khai và giấy vay nợ do chị Nguyễn Thị T xuất trình có tại hồ sơ tính đến ngày 25/9/2014, chị Vũ Thị T1 còn nợ chị Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), đến tháng 2/2015 hai tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T1 đến Tòa án viết bản tự khai tham gia hoà giải, tổng đạt thông báo thụ lý nhưng chị T1 vẫn không đến và không có ý kiến gì. Tòa án đã trực tiếp gặp cho chị T1 xem giấy vay nợ do chị T xuất trình có tại hồ sơ và hỏi chữ viết chữ ký trong giấy nợ có phải do chị viết và ký không nhưng đến nay chị T1 cũng không có ý kiến gì.

Như vậy có căn cứ xác định tính đến ngày 25/9/2014, chị Vũ Thị T1 còn nợ chị Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hạn trả nợ từ tháng 2 năm 2015 hai tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng). Đến hạn chị T1 không trả nợ, nay chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 phải cho chị 30.000.000 đồng nên chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Chị T không yêu cầu chị T1 trả tiền lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 trả nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) được chấp nhận nên chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466 BLDS; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết .

Buộc chị Vũ Thị T1 chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị T1 phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0001633 ngày 21/10/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, khoản tiền trả nợ chưa thi hành xong còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị **T** có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị **T1** vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - NA;
- Cơ quan THADS tỉnh NA;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

Lý Quang Tình